

Các đương sự cùng trú tại: Xóm P, thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Chị Nguyễn Thị L - vợ anh B (Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2017);

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, anh B, anh Hợp: Ông Bùi Doãn Sâm, sinh năm 1971, trú tại xóm Hoàng Hanh, xã Trung Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

- UBND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền; Ông Phạm Việt T, Phó chủ tịch UBND huyện - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Chu Thế M, chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện VN - vắng mặt không có lý do (Văn bản ủy quyền số 775 ngày 24/4/2018).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn - Anh Nguyễn Duy D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Duy D và vợ là bà Trịnh Thị X trình bày: Ông bà có thửa đất diện tích khoảng 500m² tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15, bản đồ 299, nguồn gốc do bố mẹ ông để lại cho ông. Ông quản lý sử dụng từ năm 1973, đất có chỉ giới rõ ràng và không có tranh chấp với ai. Năm 1984, ông tạm giao cho anh Nguyễn Duy D1 là con trai ông (có vợ là chị Hoàng Thị T) sử dụng. Vợ chồng ông cùng những người con khác chuyển đến thửa đất khác rộng hơn làm nhà ở và tăng gia, chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình.

Quá trình sử dụng, anh D1 đã tự ý làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSD đất). Ngày 28/02/1994, anh D1 đã được UBND huyện VN cấp GCNQSD đất với diện tích 500m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 300m² đất vườn, tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15 bản đồ 299.

Ông bà chỉ đồng ý cho anh D1, chị T sử dụng 130m² đất để làm nhà ở và cho chị Nguyễn Thị L (là con gái, có chồng Phạm Duy B) sử dụng 100m² đất để làm nhà ở. Tại biên bản họp nội tộc ngày 16/6/2016 (bút lục 471;472), ông bà đồng ý cho thêm Chị L khoảng 30m² đất tiếp giáp phía sau diện tích đất ở của Chị L để tiện cho việc quản lý, sử dụng.

Cuối năm 1996, ông đã làm đơn đề nghị UBND thị trấn ĐC giải quyết tranh chấp buộc anh D1 phải trả lại cho ông số diện tích đất còn lại là 270m²; hiện trên đất đó anh D1 đã làm một nhà gỗ 07 gian, anh Hợp làm 01 nhà gỗ 06 gian để cho thuê, nhưng anh D1 đã không trả. Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh D1 phải trả lại cho ông 270m² đất. Số diện tích đất ông đã cho anh D1 130m² và cho Chị L 130m² ông không đòi lại nữa. Ông đồng ý cho các con sử dụng theo đúng hiện trạng thực tế, về số đo diện tích có thể có đúng, sai nhưng trên cơ sở tôn trọng hiện trạng đã được Tòa án xác định theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 18/6/2015. Yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất do UBND huyện VN cấp ngày 28/02/1994 mang tên anh D1, vì GCNQSD đất do UBND huyện VN cấp không đúng quy định của pháp luật, làm

ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Bị đơn anh Nguyễn Duy D1 trình bày:

Năm 1983, anh xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị T và được bố mẹ cho thửa đất có diện tích 500m² tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15 bản đồ 299 (cũ). Năm 1993 Nhà nước có chủ trương cấp GCNQSD đất, UBND thị trấn đã phổ biến đến từng hộ gia đình, trong đó gia đình anh có kê khai diện tích 500m² này còn bố anh không kê khai. Năm 1994 anh được UBND huyện VN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B: 902992 ngày 28/02/1994 mang tên anh Nguyễn Duy D1 tại thửa số 257-TBĐ 15, bản đồ 299, diện tích 500m². Trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn. Năm 1995 anh có viết giấy bán đất cho em gái là Nguyễn Thị L (có chồng là Phạm Duy B) 100m² với giá 10.000.000đ. Chị L và anh B đã được UBND huyện VN cấp GCNQSD đất số S450662 ngày 29/3/2001 diện tích 100m² đất ở để làm nhà. Năm 2001 anh có cho em trai là Nguyễn Duy H làm một nhà gỗ 3 gian trên diện tích mà anh đã được cấp GCNQSD đất từ năm 1994. Năm 2002 anh D1 được cấp đổi từ GCNQSD đất năm 1994 sang GCNQSD đất mới số U835293 ngày 08/01/2002 nhưng chỉ được cấp đổi 100m² đất thổ cư, còn diện tích đất vườn không được cấp chuyển đổi. Khi anh hỏi UBND thị trấn ĐC thì được biết bố anh đã có đơn kiện đòi thửa 257 nên đất đang có tranh chấp chưa được chuyển đổi. Nay ông D khởi kiện đòi 270m² đất trong tổng diện tích 500m² anh không nhất trí. Lý do: Bố mẹ anh đã cho anh quản lý sử dụng từ năm 1984, đến khi anh kê khai xin được cấp GCNQSD đất, bố mẹ anh cũng không có ý kiến gì và cũng không kê khai; anh đã kê khai và được cấp quyền sử dụng đất nên anh là người sử dụng hợp pháp. Anh D1 không đồng ý trả lại đất cho ông D, bà X. Đồng bị đơn chị Hoàng Thị T (vợ anh D1) nhất trí với ý kiến của anh D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quan điểm:

- Chị Nguyễn Thị L (là con gái được ông D, bà X ủy quyền là người đại diện và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) nhất trí như ý kiến khởi kiện của ông D, chị là con thứ năm của gia đình. Nguồn gốc thửa đất 500m² là của ông D bà X, nên ông D, bà X là người quản lý sử dụng hợp pháp, phần diện tích đất anh D1, chị T đã làm nhà ở ổn định, Chị L anh B đã làm nhà ở ổn định, ông bà đồng ý cho các con, đề nghị Tòa án công nhận. Nay ông D, bà X chỉ đòi quyền sử dụng phần còn lại của diện tích đất, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu, buộc anh D1 chị T phải trả lại đất cho bố mẹ diện tích 238,5m² đất tại thửa số 257, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn ĐC, huyện VN, cụ thể theo sơ đồ hiện trạng đo đạc thực tế ngày 18/6/2015.

- Chị L còn trình bày: Năm 1984-1985, chị cùng bố mẹ chuyển ra ở trên một thửa đất vườn cách nơi ở cũ khoảng 100m để làm đậu và chăn nuôi, tạm giao cho anh D1, chị T sử dụng nhà cũ trên diện tích đất 500m². Năm 1996 ông D bà X muốn cho chị đất để làm nhà thì mới biết anh D1 đã làm thủ tục và được cấp GCNQSD đất. Khi đó bố chị có yêu cầu vợ chồng anh D1 chị T cắt 100m² đất cho chị để làm nhà ở, nhưng chị đề nghị được mua trực tiếp với anh D1 chị T với giá 10.000.000đ để tránh điều tiếng phiền phức, mất đoàn kết giữa anh chị em trong gia đình. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán ngày 29/3/2001, chị đã được UBND huyện

VN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng từ đó cho đến nay. Ngoài ra ông D và bà X còn cho chị thêm 30,6m² đất vườn tiếp giáp với diện tích đất chị đang ở hiện nay, được thể hiện tại cuộc họp gia đình nội tộc, đất anh chị đang quản lý, sử dụng không có tranh chấp. Anh Phạm Duy B nhất trí như ý kiến của Chị L (vợ anh B).

- Anh Nguyễn Duy H (con của ông D, bà X) trình bày:

Diện tích đất 500m² là của bố mẹ anh được thừa hưởng từ các cụ để lại, bố mẹ cho anh một phần đất trên diện tích đất mà anh D1 đã được cấp GCNQSD đất năm 1994 nên anh đã đổ đất vào và làm một ngôi nhà gỗ, từ đó cho đến nay anh vẫn cho người khác thuê bán hàng. Bố mẹ anh đã yêu cầu anh D1 tách phần đất này cho anh, nhưng anh D1 có mâu thuẫn với bố mẹ nên anh D1 đã tuyên bố là không chia cho anh nữa. Anh D1 cho rằng toàn bộ diện tích đất 500m² này là của anh D1, vì vậy bố mẹ anh mới khởi kiện đòi lại diện tích 270m² đó. Anh cũng nhất trí với ý kiến của bố mẹ, yêu cầu anh D1 chị T phải trả lại đất cho bố mẹ anh, để bố mẹ quản lý sử dụng. Đối với ngôi nhà gỗ anh làm hiện nay đã hết khấu hao xuống cấp nghiêm trọng anh sẽ tự tháo dỡ.

- Người đại diện cho UBND huyện VN có ý kiến:

Việc cấp GCNQSD đất cho anh D1 năm 1994 chưa đúng trình tự, thủ tục, đơn đăng ký quyền sử dụng đất không có ý kiến phê duyệt của hội đồng xét cấp GCNQSD đất thị trấn ĐC, huyện VN, không phản ánh đúng chủ sử dụng đất. Quyền sử dụng đất hợp pháp là của ông Nguyễn Duy D chứ không phải anh D1. Giấy CNQSD đất cấp không đúng tên các thửa đất, không đúng diện tích của từng thửa đất, nên đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B902992 ngày 28/02/1994, do UBND huyện VN cấp mang tên anh Nguyễn Duy D1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 28/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 264 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 465, Điều 689, Điều 722 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X đòi tài sản là quyền sử dụng đất với anh Nguyễn Duy D1. Buộc anh Nguyễn Duy D1 và chị Hoàng Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X diện tích 238,5m² đất tại thửa số 257, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn ĐC, huyện VN, cụ thể theo sơ đồ hiện trạng đo đạc thực tế ngày 18/6/2015:

- Phía Đông giáp đường nhựa (ĐT256).
- Phía Tây giáp thửa đất nhà ông Phương.
- Phía Nam giáp sông Đào.
- Phía Bắc giáp thửa đất số 256 của anh B, Chị L.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X. Giao cho anh Nguyễn Duy D1 và chị Hoàng Thị T quản lý, sử dụng diện tích 133,1m² đất tại thửa đất số 255 tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính thị trấn ĐC, huyện VN, trong đó có 100m² đất thổ cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

U835293 ngày 08/01/2002, cụ thể theo sơ đồ hiện trạng đo đạc thực tế ngày 18/6/2015:

- Phía Đông giáp đường nhựa (ĐT256).
- Phía Tây giáp thửa đất nhà ông Phương.
- Phía Nam giáp thửa số 256 của anh B Chì L.
- Phía Bắc Giáp thửa số 254 của bà Huệ.

3. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X. Giao cho anh Phạm Duy B và chị Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng diện tích 130,6m² đất tại thửa đất số 256 tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính thị trấn ĐC, huyện VN, trong đó có 100m² đất thổ cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S450662 ngày 29/3/2001, cụ thể theo sơ đồ hiện trạng đo đạc thực tế ngày 18/6/2015:

- Phía Đông giáp đường nhựa (ĐT256).
- Phía Tây giáp thửa đất nhà ông Phương.
- Phía Nam giáp thửa số 257.
- Phía Bắc Giáp thửa số 255 của anh D1 chị T.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X. Hủy toàn bộ GCNQSD đất số B902992 ngày 28/02/1994, do UBND huyện VN cấp mang tên anh Nguyễn Duy D1.

5. Buộc anh Nguyễn Duy H dỡ bỏ ngôi nhà gỗ có diện tích 43,5m² dựng năm 2001 và anh Nguyễn Duy D1 dỡ bỏ ngôi nhà gỗ có diện tích 71,8m² dựng năm 1999 (hai ngôi nhà đã hết khấu hao) trên thửa số 257, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn ĐC, huyện VN.

Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/4/2017, bị đơn là anh Nguyễn Duy D1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chủ tịch UBND huyện VN có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do ông Phạm Việt Tiến - Phó chủ tịch UBND huyện VN bận công tác.

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới. Hội đồng xét xử đã tích cực hòa giải, phía bị đơn nhất trí hòa giải xong phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm:

+ Ông D khởi kiện vụ án đòi tài sản nhưng thực tế Anh D1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp. Như vậy, Anh D1 là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản đang tranh chấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Anh D1 đã tồn tại 24 năm, được Nhà nước thừa nhận hợp pháp, Anh

D1, chị T có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Ông D không trực tiếp sử dụng, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước nên việc ông D khởi kiện đòi đất của Anh D1 là không có căn cứ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Anh D1 được Ủy ban nhân dân huyện VN cấp từ năm 1994 nên anh D1 là chủ sở hữu tài sản hợp pháp, có quyền quản lý tài sản nên việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Anh D1 là vi phạm quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Anh D1.

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng cả về tố tụng và nội dung khi đã phân chia diện tích đất tranh chấp vượt quá nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà X có tư cách đồng nguyên đơn, chị T có tư cách đồng bị đơn trong khi bản chất vụ án chỉ là ông D khởi kiện đòi lại đất đối với anh D1. Vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Anh D1 và chị T nhất trí quan điểm của Luật sư.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: Việc nguyên đơn khởi kiện đề nghị bị đơn phải trả lại đất là có căn cứ bởi lẽ:

+ Tất cả phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông D, bà X. Anh D1 khai nhận bố mẹ ông cho đất ông là không có căn cứ, không có hợp đồng tặng cho hay giấy chuyển nhượng. Việc anh D1 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đơn này không được Hội đồng xét duyệt xác nhận. Hơn nữa, Ủy ban nhân dân huyện VN cũng cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh D1 là không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

+ Nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn từ năm 1994. Anh D1 cũng thừa nhận đất đang tranh chấp có nguồn gốc của nguyên đơn nên cụ Do, cụ Xuyên không cần chứng minh quyền sở hữu.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện 03 thửa đất từ 257 đến 259 là diện tích đất có nguồn gốc của cụ Do. Năm 1984, cụ Do giao toàn bộ diện tích đất trên cho anh D1 và cụ Do, cụ Xuyên chuyển ra thửa đất khác sinh sống. Tới năm 1993, anh D1 tiến hành kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất nhưng ông D không công nhận là đã đồng ý cho anh D1 tiến hành kê khai. Tuy nhiên, tại 02 đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 của anh D1 thì người khai nội dung là anh D1, người ký lại là ông D và những đơn này đã được Hội đồng xét duyệt đồng ý, có chữ ký và đóng dấu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VN. Việc mâu thuẫn này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ mặc dù đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Việc mua bán đất giữa các thành viên trong gia đình anh D1, cụ thể: Việc cụ Do bán đất cho vợ chồng chị L, anh B, việc anh D1 có bán đất cho vợ chồng chị L, anh B cũng chưa được làm rõ.

Về tố tụng: Bản chất vụ án là cụ Do khởi kiện đòi tài sản đối với anh D1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định cụ Xuyên là đồng nguyên đơn, bà T là đồng bị đơn. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng trên của Tòa án cấp sơ thẩm là sai trái, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Hơn nữa, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Xuyên là đồng nguyên đơn nhưng không yêu cầu cụ Xuyên phải đóng tạm ứng án phí là trái với quy định của pháp luật. Những sai phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn - anh Nguyễn Duy D1. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Duy D thể hiện ông khởi kiện anh Nguyễn Duy D1, yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp đất đai; quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện VN và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên qua hai lần xét xử sơ thẩm, hai lần xét xử phúc thẩm đều xác định ông Nguyễn Duy D là nguyên đơn, anh Nguyễn Duy D1 là bị đơn. Sau khi Tòa án nhân dân huyện VN chuyển hồ sơ để giải quyết theo thẩm quyền, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 05/10/2016 và 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên (BL 508, 510); tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST ngày 03/02/2017 (BL 516), phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/02/2017 (BL 524), phiên hòa giải ngày 28/02/2017 (BL 527), Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đều xác định ông Nguyễn Duy D là nguyên đơn, anh Nguyễn Duy D1 là bị đơn là chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 28/3/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên lại xác định nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X (Hồ sơ không có tài liệu về việc bà X nộp tạm ứng án phí sơ thẩm), bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Duy D1 và chị Hoàng Thị T là không đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự là xác định sai tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án, vi phạm nghiêm trọng

về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của các đương sự được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về nội dung này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung cần giải quyết trong vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất:

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ đã xác định được, giai đoạn trước năm 1993, thửa đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn Duy D được thừa hưởng quyền sử dụng từ cha ông. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/6/1993 của anh Nguyễn Duy D1 kê khai xác định diện tích 500m² tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15 tại Xóm P, thị trấn ĐC, huyện VN nguồn gốc của ông cha, nhưng không có sự đồng ý của ông D. Tại Biên bản xác minh ngày 10/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với UBND thị trấn ĐC đã xác định thửa đất số 257 đang có tranh chấp giữa ông D với anh D1 là của ông D được thừa hưởng của cha mẹ và cũng đã xác định việc tranh chấp của hai bố con ông D và anh D1 có từ năm 2000 - 2001. Do có tranh chấp nên anh D1 đã không được cấp đổi GCNQSD đất cấp năm 1994; Hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc ông D, bà X đã giao quyền sử dụng đất cho anh D1 chị T theo quy định của Luật Đất đai. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng nguồn gốc thửa đất hiện đang có tranh chấp giữa ông D với anh D1 thuộc quyền quản lý, sử dụng đất của ông Nguyễn Duy D và bà Trịnh Thị X thừa hưởng từ cha mẹ ông.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất:

Các đương sự trong vụ án đã thừa nhận: Ông D và bà X cùng các con sinh sống trên các thửa đất này cho đến năm 1983 - 1984, khi anh D1 (là con trai cả) xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị T thì vợ chồng ông D và những người con khác chuyển đến mảnh đất khác cách chỗ cũ khoảng 100m rộng rãi hơn, làm nhà ở và tăng gia chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Toàn bộ nhà, đất tại vị trí cũ giao lại cho anh D1 quản lý, sử dụng. Năm 1994, anh Nguyễn Duy H (con ông D, bà X) có làm một ngôi nhà gỗ trên một phần đất và cho người khác thuê bán hàng. Năm 1997 vợ chồng Chị L, anh B về ở trên một phần đất và làm nhà ở ổn định.

[2.3]. Về việc đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất tại thời điểm kê khai tại thời điểm năm 2003.

Bản án sơ thẩm nhận định tại trang 7 (BL 544): “...Năm 1993, Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại xã ĐC, huyện VN, anh D1 tự ý kê khai diện tích 500m² tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15 (bản đồ 299) tại Xóm P, thị trấn ĐC, huyện VN theo tên của anh, đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thị trấn ĐC và Ủy ban nhân dân huyện VN đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 257, tờ bản đồ số 15, (bản đồ 299) diện tích 500m² cho anh D1...”; “...Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/6/1993 của anh Nguyễn Duy D1 kê khai

xác định diện tích 500m² tại thửa số 257, tờ bản đồ số 15 tại Xóm P, thị trấn ĐC, huyện VN nguồn gốc của ông cha, nhưng không có sự đồng ý của ông D...”

Hội đồng xét xử thấy: Trong hồ sơ vụ án, ngoài đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh D1 (BL 36) mà Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá còn có các tài liệu:

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy D ngày 14/6/1993 (BL 35) có đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 500m² tại hai thửa đất số 431 và 432, tờ bản đồ số 15, trong đó kê khai đất ở 210m², đất màu 290m², nguồn gốc của cha ông (không đăng ký các thửa 257, 258, 259);

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất có ghi tên đăng ký là Nguyễn Duy D1 viết ngày 02/10/1993 (BL 205) nhưng tại mục “Người đứng khai ký tên” lại ghi “KT. Nguyễn Duy D”, thể hiện: Đăng ký 160m² đất tại thửa 257 là đất thổ cư, nguồn gốc “Bố cho”; đăng ký 40m² đất tại thửa đất 258b là đất màu, nguồn gốc “Bố cho” (ngoài ra còn đăng ký 140m² đất tại thửa số 445; 1940m² thửa số 395 cùng tại tờ bản đồ số 12, xứ Đồng Gốc Táo là đất 2 lúa, có nguồn gốc “Bố cho”);

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất có tên đăng ký là ông Nguyễn Duy D viết cùng ngày 02/10/1993 (BL 204) phần “người đứng khai ký tên” ghi “Nguyễn Duy D” thể hiện: Ông D đăng ký 90m² đất tại thửa 258a và 300m² thửa 259 tờ bản đồ 15 là đất màu. Cả 02 “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” viết ngày 02/10/1993 tại mục “Ý kiến của Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đều ghi “Nhất trí theo đơn đăng ký. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn này” và được Chủ tịch Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký, đóng dấu ngày 29/10/1993. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D1 vào năm 1994 không căn cứ vào “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” ngày 02/10/1993 (ghi tên anh D1, ông D là người ký thay - KT) đã có đề nghị của Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp xã. Theo đó, đăng ký 160m² đất tại thửa 257 và 40m² đất tại thửa 258a là đất màu là cấp cho anh D1 có quyền sử dụng 500m² đất tại thửa 257, tờ bản đồ số 154 trong đó có 200m² đất thổ cư và 300m² đất màu.

Những vấn đề này chưa được bản án sơ thẩm đề cập, xem xét, đánh giá để xác định có hay không có việc ngày 02/10/1993 ông D kê khai quyền sử dụng đất của mình đối với diện tích 500m² tại 03 thửa 257, 258, 259 tờ bản đồ số 15 (bản đồ 299), trong đó thể hiện ý chí cho anh D1 quyền sử dụng 200m² đất, còn ông D đăng ký sử dụng 300m² đất (Thửa 258 kê khai tách thành 02 thửa: 258a diện tích 90m² ông D sử dụng và 258b diện tích 40m² cho anh D1 sử dụng). Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa đã đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Duy D năm 1993 (hoặc năm 1994); chưa làm rõ được việc ông D và anh D1 đều kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 259 thì có việc một thửa đất cấp cho hai người không? việc cấp đất cho anh D1 500m² đất tại sao lại thực hiện theo đơn không có xác nhận của Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất? Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận (BL 560).

Đây là những chứng cứ quan trọng để xác định anh D1 tự ý kê khai như Bản án sơ thẩm đánh giá hay anh D1 đã được ông D cho quyền sử dụng đất. Nếu ông D cho anh D1 thì cho bao nhiêu m²? Hay cho toàn bộ như anh D1 khai? Hoặc để đánh giá ông D không kê khai và anh D1 là người đã kê khai quản lý, sử dụng, xây nhà kiên cố tạo lập thành khuôn viên riêng mà ông D, bà X đồng ý, không có ý kiến phản đối? Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VN không có mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ làm sáng tỏ những nội dung còn mâu thuẫn trong việc kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên để đánh giá sự thật khách quan làm cơ sở giải quyết vụ án chính xác, đúng pháp luật.

[3]. Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện:

- Tại Bút lục 401 văn bản “Giấy chuyển nhượng nhà ở lâu dài” thể hiện ông Nguyễn Duy D chuyển nhượng cho con rể là Phạm Duy B và con gái Nguyễn Thị L 100m² (5m x 20m) thuộc thửa 257 từ ngày 15/02/1996 với giá 10.000.000 đồng, đã nhận đủ số tiền, ông D là người ký tên phần người bán, anh B ký tên phần người mua còn anh D1 ký tên phần người làm chứng.

- Tại Bút lục 108 - 109, lại thể hiện văn bản “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” anh D1 bán cho anh B 100m² với giá 50.000.000 đồng, anh B đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2001. Theo sơ đồ hiện trạng (đo đạc thực tế ngày 18/6/2015 - Bút lục 282) thì vị trí nhà anh B, Chị L hiện nằm trên thửa đất số 256, lô đất gắn liền với nhà anh B, Chị L hiện đang ở được mua từ anh D1. Như vậy, diện tích 100m² ông D chuyển nhượng cho anh B thực tế phải nằm trên phần diện tích đất mà hiện tại đang có căn nhà gỗ do anh D1 xây dựng năm 1999.

Trong khi đó, Bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/3/2017 tại đoạn 2 trang 9 (BL 544) lại đánh giá: “...*Thửa đất anh B, Chị L đang quản lý, sử dụng được hình thành từ năm 1996, Chị L anh B hỏi xin ông D và bà X để làm nhà và được ông bà đồng ý, nhưng do việc anh D1 tự ý kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 500m² nên để thuận lợi và không xảy ra tranh chấp thì thị Liên, anh B đã trực tiếp mua của anh B chị T với giá 10.000.000 đồng thể hiện bằng Hợp đồng mua bán...*” là nhận định không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, không phản ánh được sự thực khách quan. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để làm rõ xong không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích, nhận định tại mục [2], [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định: Việc Bản án sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và những thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ chưa được đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và quan điểm của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về việc hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Do hủy bản án sơ thẩm nên anh D1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Duy D1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số Â/2013/0018412 ngày 8/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (Anh Nguyễn Duy Thanh nộp thay). Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND; VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh